

MÔ HÌNH NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

• TSKH. PHẠM ĐỒ NHẬT TIẾN

1. Đặt vấn đề

Trọng hơn 20 năm đổi mới vừa qua, mô hình nhà trường phổ thông nước ta đã từng bước được hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả của giáo dục phổ thông trong bước chuyển của đất nước sang kinh tế thị trường định hướng XHCN. Với việc đổi mới hệ thống giáo dục quốc dân, đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục phổ thông, đổi mới quản lý trường học, đến nay, về cơ bản, mô hình nhà trường phổ thông nước ta đã tương thích với mô hình nhà trường phổ thông ở các nước phát triển trên thế giới.

Đó là mô hình nhà trường được hình thành, củng cố và phát triển cùng với bước tiến của nền văn minh công nghiệp. Trong mô hình này, từ việc tổ chức trường lớp, chương trình giáo dục, phương pháp dạy và học, đến công tác quản lý đều mang dấu ấn của tư duy và phương pháp sản xuất công nghiệp.

Tuy nhiên, như người ta nói, con đường cũ của kỉ nguyên công nghiệp đã chấm dứt cùng với thế kỉ 20. Bước sang thế kỉ 21, để có thể thành công trong nền văn minh trí tuệ cùng với tiến trình toàn cầu hoá và cách mạng công nghệ thông tin, cần những quan niệm mới, tiếp cận mới, định chế mới trong hầu hết mọi lĩnh vực. Giáo dục, với tư cách là một hòn đá tảng của nền văn minh trí tuệ, sẽ có những biến đổi sâu sắc. Mô hình nhà trường phổ thông, vốn thành công trong nền văn minh công nghiệp, đang được xem xét lại, thậm chí phủ định để tái tạo.

Với tầm nhìn dài hạn 10, 15, thậm chí 20 năm tới, các nhà tương lai học giáo dục đang sử dụng nhiều cách tiếp cận để thăm dò các tương lai khả dĩ của nhà trường phổ thông. Khi giáo dục đang ở bước ngoặt của sự phát triển thì sự tiếp cận theo tư duy dài hạn là rất cần thiết để khắc phục những khiếm khuyết của kiểu tư duy nhiệm kì vốn là cách hành xử phổ biến hiện nay trên thế giới trước những vấn đề của giáo dục.

Phương pháp kịch bản [1] là phương pháp được đưa ra trong những năm gần đây để phục vụ cho tư duy về những tương lai của giáo dục. Kịch bản được hiểu là "câu chuyện" về những tương lai khả dĩ của giáo dục. Nó sử dụng cả logic và trí tưởng tượng để cung cấp cho nhà

hoạch định chính sách về những bức tranh tương lai mà cách tiếp cận logic truyền thống thường dễ bỏ qua. Vì vậy, kịch bản khác với chiến lược, nó không phải là định hướng cho sự phát triển. Nó là công cụ góp phần khắc phục khiếm khuyết cơ bản trước đây trong phương pháp xây dựng chiến lược là phương pháp ngoại suy. Nó kích thích tranh luận, khơi gợi tư duy và cách nhìn mới, và nhờ vậy mở rộng phạm vi lựa chọn trước khi đi đến quyết định chiến lược.

Bài viết này sử dụng cách tiếp cận trên để đề xuất về mô hình nhà trường phổ thông Việt Nam 10 năm tới trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

2. WTO và thị trường hoá giáo dục

Khác với cách nhìn chung của những người trong ngành giáo dục vốn coi giáo dục là một lợi ích công, WTO quan niệm: giáo dục là một dịch vụ trong hoạt động thương mại và thương mại dịch vụ giáo dục cần được tự do hoá. Giải thích cho cách nhìn này, WTO cho rằng trên thực tế thị trường giáo dục đã hình thành tại nhiều nước vì giáo dục không hẳn chỉ là một hạng mục tiêu dùng công cộng mà còn là hạng mục tiêu dùng tư nhân.

Vi thế, cách đây 13 năm, WTO đã chính thức hoá khái niệm thị trường giáo dục khi thông qua Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS).

Đến nay, mặc dù giáo dục là ngành ít có cam kết nhất trong lộ trình tự do hoá thương mại dịch vụ của phần lớn các nước đang phát triển, nhưng GATS chính là bước đi quan trọng đầu tiên trong hành trình mở rộng thị trường giáo dục từ nội địa thành toàn cầu.

Tuy nhiên, giáo dục là sự chuẩn bị cho thế hệ tương lai của đất nước, có liên quan sống còn đến lợi ích, chủ quyền và vận mệnh quốc gia. Vì thế, các quốc gia đều có thái độ rất thận trọng trong việc đối xử với thị trường giáo dục nội địa. Đó là một thị trường đặc biệt trong đó giáo dục về cơ bản vẫn là một lợi ích công. Tuy có các thành phần kinh tế khác tham gia khai thác thị trường này, nhưng nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo trong cung ứng giáo dục, có sự can thiệp cần thiết để phát huy mặt tích cực của thị trường, giảm thiểu mặt tiêu cực, bảo đảm yêu cầu công



bằng xã hội trong giáo dục. Một thị trường như vậy không phải là thị trường tự do trong hoạt động kinh tế mà là thị trường gần đúng, thường được gọi bởi một tên riêng là chuẩn thị trường (quasi-market) trong lĩnh vực dịch vụ công.

Như đã trình bày trong một bài báo trước đây [2], có thể quan niệm chuẩn thị trường giáo dục như một mô hình nằm giữa hai cực: một cực là mô hình độc quyền nhà nước, cực kia là mô hình thị trường tự do. Trong mô hình độc quyền nhà nước, như ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, nhà nước là người cung ứng giáo dục duy nhất. Nếu ngoài nhà nước, còn có các nhà cung ứng giáo dục tư nhân, nhưng cơ chế cạnh tranh không được thiết lập, thì mô hình này được gọi là chuẩn độc quyền (quasi-monopoly). Khi cơ chế cạnh tranh được đưa vào thì mô hình chuyển từ chuẩn độc quyền sang chuẩn thị trường. Trong chuẩn thị trường giáo dục, điều mong muốn của nhà nước là các nhà cung ứng giáo dục không theo đuổi lợi nhuận tối đa nhưng vẫn buộc phải cạnh tranh với nhau để nâng cao chất lượng và hiệu quả do người học được nhiều cơ hội hơn trong việc lựa chọn trường học.

Trên thực tế, khi thực thi các cam kết về GATS trong giáo dục, thị trường giáo dục được mở ra và dưới con mắt của các tập đoàn giáo dục quốc tế thì đó là một thị trường dịch vụ tự do như các thị trường dịch vụ khác. Thậm chí đây là một thị trường béo bở, hằng năm ngốn một khoản tiền khổng lồ trên 1.000 tỉ đô la Mỹ, với hàng trăm nghìn cơ sở giáo dục, khoảng 50 triệu giáo viên và trên một tỉ khách hàng tiềm năng là các học sinh, sinh viên.

Vì thế, dưới lá cờ tự do hoá thương mại dịch vụ giáo dục, các nhà cung ứng giáo dục nước ngoài sẽ đối xử với giáo dục như một lợi ích tư. Xu thế hoạt động vì mục đích lợi nhuận sẽ là chủ đạo.

Khi đó, thị trường giáo dục ở mỗi nước sẽ chịu hai lực tác động. Một bên là tác động của Nhà nước để bảo đảm đó là một chuẩn thị trường. Một bên là tác động của các doanh nghiệp giáo dục trong và ngoài nước để có một thị trường dịch vụ thực sự, hoạt động theo quy luật cung cầu và có lợi nhuận. Khó khăn lớn nhất của chính phủ các nước đang phát triển chính là xây dựng chính sách và cơ chế phù hợp để bảo đảm thị trường giáo dục vẫn chỉ vận động trong giới hạn của một chuẩn thị trường.

3. Xã hội dân sự và xã hội hoá giáo dục

Xã hội dân sự là xã hội của các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận, hoạt động vì lợi ích công. Chính quá trình toàn cầu hoá đã dẫn đến sự nở rộ của các tổ chức xã hội dân sự ở từng

quốc gia cũng như trên phạm vi toàn cầu. Trước các thách thức của làn sóng toàn cầu hoá, xã hội dân sự được coi là khu vực thứ ba, bên cạnh hai khu vực đã có là nhà nước và thị trường, để hình thành thế chân vạc cho sự phát triển bền vững.

Giáo dục là lĩnh vực hoạt động mạnh mẽ nhất và có hiệu quả nhất của xã hội dân sự. Khái niệm xã hội hoá giáo dục, theo quy định của Luật Giáo dục nước ta và theo thuật ngữ tiếng Anh (social participation to education), có nội hàm chính là sự tham gia của xã hội dân sự vào sự nghiệp phát triển giáo dục. Đó là "huy động toàn xã hội làm giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân góp sức xây dựng nền giáo dục quốc dân dưới sự quản lí của Nhà nước" (NQTW4, khoá VII). Hoạt động này đang được ủng hộ và phát triển mạnh mẽ ở mọi nơi trên thế giới, được các tổ chức xã hội dân sự đề cao như một đối sách và sử dụng như một đối trọng trước áp lực thương mại hoá giáo dục.

Đến nay, theo một số nhà nghiên cứu, sự phát triển của các tổ chức xã hội dân sự nói chung, xã hội hoá giáo dục nói riêng, đã trải qua ba thế hệ. Đầu tiên là thế hệ các tổ chức xã hội dân sự ít nhiều mang tính tự phát, tập trung chủ yếu vào các vấn đề nhân đạo, hoạt động trực tiếp cung cấp lương thực, chăm sóc sức khoẻ, hỗ trợ học tập... Thế hệ tiếp theo tập trung hơn vào vấn đề xây dựng năng lực (theo nguyên tắc cung cấp cái cần cầu chứ không phải con cá) và mở rộng phạm vi hoạt động sang nhiều lĩnh vực xã hội với nội dung hoạt động là đối thoại, tư vấn, cung cấp dịch vụ, mở lớp cho trẻ em thiệt thòi, đưa giáo dục đến vùng khó khăn, mở các trường tư hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. Thế hệ hiện nay đã chuyển từ tự phát sang tự giác, đóng vai trò đối tác của các cơ quan nhà nước trong hoạch định, giám sát và tổ chức thực hiện chính sách trên hầu hết mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Như vậy, xã hội dân sự đã chuyển từ vị trí nhà cung cấp dịch vụ giáo dục lên vị trí đối tác của nhà nước vì sự phát triển bền vững của giáo dục như đã được nhận định tại phiên họp thứ 46 của Hội nghị quốc tế về giáo dục năm 2001. Với việc quy tụ các nhà chuyên môn, các cựu giáo chức, các người có tâm huyết với giáo dục, các tổ chức xã hội dân sự đã góp phần mở rộng không gian dân chủ trong giáo dục. Đó là không gian trong đó các tổ chức xã hội dân sự đối thoại với các quan chức chính phủ về những vấn đề bức xúc của giáo dục, tư vấn về các biện pháp giải quyết, đề xuất cách tư duy mới và cách làm mới, thay đổi cách nhìn quan liêu của chính quyền, trở thành đối tác của các cơ quan nhà nước về giáo dục trong việc xây dựng tầm nhìn, chiến lược, hoạch định chính sách, giám sát và

tổ chức thực hiện.

Ngày nay, khi các tập đoàn giáo dục quốc tế đang làm le chinh phục các thị trường giáo dục nội địa thì các tổ chức xã hội dân sự quốc tế cũng đang phát triển mạnh mẽ, hợp tác và liên kết với nhau để làm đối trọng bảo đảm giáo dục là một lợi công toàn cầu.

Vì vậy, trong mối tương quan về lực giữa một bên là chính phủ, một bên là các doanh nghiệp giáo dục trong và ngoài nước, bài toán lợi ích trong thị trường giáo dục sẽ được định hướng tích cực nếu chính phủ biết cách khai thác và phát huy sức mạnh hợp lực của xã hội dân sự, bảo đảm sự vận động đúng hướng của công tác xã hội hoá giáo dục. Hiển nhiên, đây không phải là một nhiệm vụ dễ dàng vì ranh giới giữa xã hội hoá giáo dục và thị trường hoá giáo dục khá mong manh. Trên thực tế, không ít trường hợp, như ở nước ta chẳng hạn, khái niệm xã hội hoá giáo dục đã bị bóp méo để mở đường cho hoạt động kinh doanh trong giáo dục.

4. Các mô hình khả dĩ của nhà trường phổ thông trong tương lai

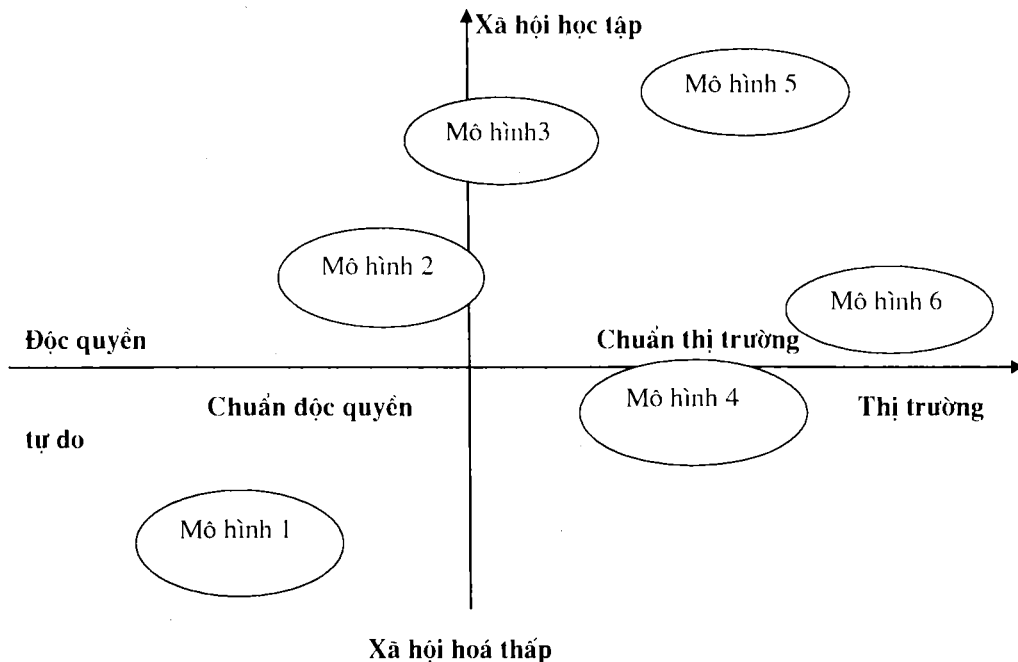
Về lý thuyết, có thể xây dựng vô vàn mô hình khả dĩ theo các kịch bản khác nhau. Tuy nhiên, để đơn giản và thu hẹp phạm vi lựa chọn kịch bản, người ta thường mô tả giáo dục trong một không gian hai chiều. Việc xác định hai chiều này phụ thuộc vào nội dung nghiên cứu. Ở đây, dưới góc nhìn kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, sẽ chọn hai chiều đo là: 1/ mô hình cung ứng

giáo dục (chiều đo kinh tế), 2/ sự tham gia của xã hội dân sự (chiều đo xã hội).

Theo chiều đo 1, như đã trình bày ở trên, mô hình cung ứng giáo dục đang chuyển từ mô hình chuẩn độc quyền sang mô hình chuẩn thị trường. Dĩ nhiên, có thể đặt câu hỏi là với những điều kiện nào thì mô hình chuẩn thị trường sẽ chuyển sang mô hình thị trường tự do. Câu trả lời là khi Nhà nước từ bỏ vai trò chủ đạo của mình trong cung ứng giáo dục. Tuy nhiên, đây là điều khó xảy ra ở mọi quốc gia trên thế giới, hiện nay cũng như trong tương lai. Vì vậy, trong phạm vi bài viết này, sẽ giả định mô hình cung ứng giáo dục chỉ thay đổi trong phạm vi từ chuẩn độc quyền đến chuẩn thị trường.

Theo chiều đo 2, sự tham gia của xã hội dân sự, cụ thể là công tác xã hội hoá giáo dục, đã qua nhiều cấp độ, từ cung cấp dịch vụ giáo dục phi lợi nhuận đến xây dựng chính sách giáo dục, giám sát thị trường giáo dục. Ở mức độ cao hơn, xã hội dân sự sẽ đóng vai trò chính trong việc xây dựng xã hội học tập; mọi tổ chức xã hội dân sự đều đồng thời là tổ chức học tập, đáp ứng nhu cầu học tập mọi lúc, mọi nơi, của mọi người.

Dĩ nhiên, trong không gian 2 chiều đó thôi, có thể đưa ra khá nhiều mô hình khả dĩ của trường phổ thông tương lai, tùy theo mức độ tham gia của 2 chiều đo đã chọn. Để giảm bớt tính phức tạp trong phân tích và lựa chọn, phỏng theo cách tiếp cận của Trung tâm nghiên cứu và canh tân giáo dục CERI thuộc khối OECD [3], trong hình dưới đây, chỉ đưa ra 6 mô hình khả dĩ.



Mô hình 1 là nhà trường hành chính - quan liêu. Nghĩa là nhà trường không có thay đổi đáng kể về tổ chức, về điều hành, về hoạt động dạy và học, bất kể những thay đổi của môi trường kinh tế - xã hội. Nhà trường cố thủ với hệ thống các quy định đã định hình về tổ chức và hoạt động, suy nghĩ như nhau và hành động như nhau, có sự liên kết cao trong nội bộ hệ thống, liên kết nửa vời với cộng đồng, và hầu như không có liên kết gì với trường đại học và doanh nghiệp.

Mô hình 2 là nhà trường trở thành tổ chức học tập trọng điểm. Nhà trường được đổi mới trong một bối cảnh đề cao tính đa dạng, cạnh tranh và thử nghiệm. Công tác quản lý chuyển từ cấu trúc tôn ti sang cấu trúc hàng ngang, trong đó nhà trường phổ thông giữ quyền quyết định chính với sự tham gia mạnh mẽ của phụ huynh, cộng đồng, hiệp hội, trường đại học. Công nghệ ICT được sử dụng mạnh mẽ. Giáo viên có động lực cao trong giảng dạy.

Mô hình 3 là nhà trường trở thành trung tâm xã hội cốt lõi. Nhà trường mang chức năng mới, cùng chia sẻ trách nhiệm với các cơ quan địa phương để đối phó với tình trạng phân mảnh của xã hội, cộng đồng và gia đình. Nội dung giáo dục chú trọng nhiều hơn đến các vấn đề giá trị và giáo dục công dân. Giáo dục phi chính quy được đề cao. Công tác quản lý tập trung ở cấp địa phương để đảm bảo quan hệ gắn bó giữa nhà trường với các cơ quan địa phương, tăng cường nguồn lực cho các hoạt động của nhà trường, nâng cao vị thế nhà giáo.

Mô hình 4 là sự mở rộng của mô hình thị trường. Giáo dục được chấp nhận vừa là lợi ích công vừa là lợi ích tư. Thị trường giáo dục hình thành với những nhà cung ứng giáo dục mới, các nguồn tài chính mới, các quy định mới. Nội dung, chương trình giáo dục được quy định bởi nhu cầu doanh nghiệp và sự lựa chọn của người học. Quản lý theo kiểu doanh nghiệp được đề cao. Tính năng động và cạnh tranh nổ rộ, kèm theo đó là sự gia tăng bất bình đẳng xã hội.

Mô hình 5 là nhà trường được thay thế bởi các mạng học tập. Việc hình thành xã hội mạng, sự bùng nổ công nghệ ICT giá rẻ, và nỗi thất vọng với nhà trường truyền thống khiến người học từ bỏ trường học để đến với các mạng học tập theo phương thức chính quy, không chính quy, phi chính quy. Công tác quản lý chuyển sang phân tán, với trọng tâm là quản lý chất lượng và rút ngắn khoảng cách số. Vai trò nhà giáo thay đổi một cách căn bản.

Mô hình 6 là sự tan rã của hệ thống giáo dục. Đây là trạng thái khủng hoảng, chủ yếu gây nên bởi sự ra đi của đội ngũ giáo viên do chán

nản với nghề, bị đãi ngộ kém, trong khi các ngành nghề khác có sức thu hút hơn.

Các mô hình trên cần được xem như các phác họa về những tương lai khả dĩ mà chúng ta có thể thích hoặc không thích, với một số đặc trưng được nhấn mạnh, thậm chí cường điệu, để gây tác động, tạo tranh luận. Trên thực tế, một số nước thuộc OECD đã sử dụng các mô hình trên như một công cụ để mở rộng tầm nhìn, thoát khỏi lối mòn, tạo ra các giá trị mới trên hành trình cải cách giáo dục để tuổi trẻ hôm nay có thể đương đầu thành công với những thách thức của ngày mai.

5. Xu thế chuyển đổi mô hình hiện nay của trường phổ thông Việt Nam

Với quyền tự chủ được giao phó, trường phổ thông Việt Nam đang tìm cách thoát khỏi trạng thái quan liêu của mô hình 1. Vấn đề đặt ra là trong các mô hình khả dĩ nêu trên, trường phổ thông Việt Nam đang có chiều hướng chuyển đổi mô hình như thế nào.

Câu trả lời phụ thuộc vào xu thế phát triển và quan hệ tác động của các yếu tố động lực trong phát triển giáo dục phổ thông.

Trước hết là vai trò của Nhà nước. Hiến pháp nước ta quy định "Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân" (Điều 59). Để thực thi điều đó, Luật Giáo dục quy định "Nhà nước ưu tiên đầu tư cho giáo dục. Ngân sách nhà nước phải giữ vai trò chủ yếu trong tổng nguồn lực đầu tư cho giáo dục". Trên thực tế, suốt 23 năm đổi mới vừa qua, ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục không ngừng tăng và hiện đạt 20% tổng chi ngân sách. Nói cách khác, Nhà nước vẫn là "ông chủ" lớn của giáo dục và cầm trịch quá trình phát triển giáo dục.

Yếu tố quan trọng tiếp theo là thị trường và xã hội dân sự. Thực chất tiến trình đổi mới giáo dục nước ta suốt thời gian qua là chuyển từ nền giáo dục phục vụ kinh tế kế hoạch hoá sang nền giáo dục vận hành trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN. Điều đó dẫn đến quan điểm chia sẻ chi phí và sự ra đời của các trường ngoài công lập trong chủ trương xã hội hoá giáo dục. Nói cách khác, chính xã hội dân sự, chứ không phải thị trường, đã tham gia trước hết vào phát triển giáo dục nước ta trong giai đoạn đổi mới vừa qua. Vì thế, ngay từ những năm đầu đổi mới, giáo dục nước ta đã chuyển từ mô hình cung ứng độc quyền sang chuẩn độc quyền.

Tuy nhiên, với một xã hội dân sự còn non trẻ, dưới tác động ngày càng mạnh của kinh tế thị trường, cái ranh giới mong manh giữa xã hội hoá giáo dục và thị trường hoá giáo dục đã bị

phá vỡ. Tuy không tuyên bố công khai, nhưng nhiều trường ngoài công lập đã hoạt động vì mục đích lợi nhuận. Xu thế này có chiều hướng gia tăng sau khi nước ta vào WTO với việc kí cam kết về GATS trong giáo dục. Theo cam kết này ta không mở cửa lĩnh vực giáo dục phổ thông. Tuy nhiên, định hướng chính sách hiện nay của ngành giáo dục cho rằng: "Với chính sách mở rộng quan hệ quốc tế và thu hút đầu tư của Nhà nước ta, số lượng người nước ngoài đến Việt Nam làm ăn ngày càng đông. Việc cho phép mở các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông dành cho người nước ngoài là cần thiết... Nhà đầu tư nước ngoài cũng có thể mở trường cho trẻ em, học sinh Việt Nam và phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam [4]. Như vậy, với việc tiếp tục mở cửa cho sự hiện diện thương mại của các nhà đầu tư nước ngoài, cục diện cạnh tranh trong giáo dục phổ thông sẽ phát triển. Trên thực tế, từ vài năm gần đây, cục diện cạnh tranh này đã hình thành ở các thành phố lớn do cung trong giáo dục phổ thông đã đáp ứng cầu và người học có nhiều quyền trong việc lựa chọn trường học. Điều đó cũng có nghĩa là giáo dục phổ thông nước ta đã chuyển từ mô hình cung ứng chuẩn độc quyền sang chuẩn thị trường. Vì vậy, xu thế vận động hiện nay của mô hình trường phổ thông Việt Nam là chuyển từ mô hình 1 sang mô hình 4, tức là sự mở rộng của mô hình thị trường.

6. Mô hình mong muốn của trường phổ thông Việt Nam

Xu thế vận động nêu trên đang gây ra những bức xúc trong xã hội vì những hệ lụy không tránh khỏi như: mất công bằng xã hội trong giáo dục gia tăng, hiện tượng học sinh bỏ học đáng báo động, giáo dục nhân cách sa sút, hình ảnh người thầy bị hoen ố... Báo cáo "Giám sát toàn cầu giáo dục cho mọi người" năm 2008 của UNESCO cho thấy kết quả giáo dục cơ sở của Việt Nam trong những năm gần đây liên tục đi xuống; riêng trong Báo cáo năm 2008, vị trí xếp hạng về chỉ số giáo dục cho mọi người (EDI) của Việt Nam tụt 9 bậc, xếp thứ 79 trong 129 nước.

Điều quan trọng lúc này là nhận dạng đầy đủ các hậu quả không mong muốn của xu thế chuyển đổi mô hình nói trên để phát huy vai trò Nhà nước trong giáo dục, kịp thời điều chỉnh dòng chảy của nó, hướng sự vận động của mô hình trường phổ thông Việt Nam sang mô hình mong muốn trong tương lai 10 năm tới.

Phân tích các mô hình khả dĩ nêu trên, có thể thấy rằng mô hình mong muốn và khả thi của trường phổ thông Việt Nam trong tương lai là mô

hình 2. Theo mô hình này, nhà trường thoát ra khỏi cung cách quan liêu - hành chính trong tổ chức và điều hành để trở thành một tổ chức học tập năng động, gắn kết chặt chẽ với xã hội, chủ động đáp ứng các đòi hỏi mới của sự phát triển kinh tế - xã hội. Các đặc trưng cơ bản của mô hình này là như sau:

Về sứ mệnh: Nhà trường chuẩn bị cho người học hành trang để học suốt đời, phù hợp với các yêu cầu của hội nhập quốc tế, kinh tế tri thức và cách mạng khoa học - công nghệ.

Về chức năng, nhiệm vụ: Cung cấp chương trình giáo dục có chất lượng, tạo điều kiện phát triển các năng lực cá nhân, bảo đảm công bằng cả về cơ hội học tập lẫn chất lượng học tập. Tập trung vào tri thức mới trong dạy và học. Việc sử dụng công nghệ ICT là chủ đạo, bảo đảm để thầy và trò được khai thác mạng quốc gia và quốc tế trong tìm kiếm, chia sẻ và sản sinh tri thức.

Về tổ chức: Nhà trường có quyền tự chủ cao trong tổ chức bộ máy, hoạt động chuyên môn, huy động và sử dụng nguồn lực. Tính đa dạng trong tổ chức và hoạt động của nhà trường được khuyến khích. Cơ quan quản lý giáo dục các cấp chuyển từ vị trí người chỉ huy, ra lệnh, sang vai trò người hướng dẫn, phối hợp, giám sát.

Về đội ngũ nhà giáo: Vị thế nhà giáo được đề cao; điều kiện làm việc và động lực làm việc không ngừng được hoàn thiện để khuyến khích nhà giáo trong canh tân nhiệm vụ dạy và học, nâng cao nghiệp vụ, nghiên cứu sáng tạo.

Về mối quan hệ nhà trường-gia đình-xã hội: Đảm bảo quan hệ thực chất và hiệu quả. Phụ huynh phải được coi là một bộ phận của nhà trường để giúp nhà trường thực hiện được sứ mệnh của mình. Các quan hệ giữa nhà trường với trường đại học, với doanh nghiệp, với cộng đồng và cơ quan truyền thông được tăng cường và nối mạng để góp phần định hướng cho nhà trường trong phát triển.

Dĩ nhiên, câu hỏi đặt ra là làm thế nào để thực hiện thành công mô hình trên. Hiện có nhiều tranh luận về cơ chế chuyển đổi sang mô hình 2. Tuy nhiên, có thể đưa ra sơ bộ một số yếu tố tiên quyết sau:

Trước hết là vấn đề nhận thức. Cần có sự phân tích, tranh luận, trao đổi để đi tới nhận thức thống nhất về mô hình 2 và sự cần thiết phải chuyển từ mô hình hiện nay sang mô hình 2. Sự thay đổi nhận thức này không chỉ giới hạn trong ngành giáo dục mà phải được mở rộng trong toàn xã hội.

Trên cơ sở đó vai trò của Nhà nước và xã hội dân sự đóng vai trò quyết định. Chỉ có như vậy mới bảo đảm để giáo dục phổ thông về cơ

bản vẫn là một lợi ích công. Sự duy trì về mặt giá trị này của giáo dục sẽ tạo được sự ủng hộ mạnh mẽ của công chúng, giữ được niềm tin của công chúng vào vai trò của nhà trường trong việc xây dựng nhân cách và chuẩn bị hành trang cho thế hệ trẻ trước những thách thức mới của thời đại.

Vai trò của thị trường trong mô hình này sẽ hết sức hạn chế. Các trường tư thực vẫn được khuyến khích thành lập để bổ sung nguồn lực và tăng cường tính đa dạng của hệ thống nhưng chủ yếu là các trường tư thực không vụ lợi. Cơ chế cạnh tranh thị trường được sử dụng để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học, nhưng giới hạn trong khuôn khổ chuẩn thị trường.

Có thể thấy nước ta đã có các yếu tố cần thiết cho việc thực hiện thành công mô hình 2. Vấn đề chính yếu còn lại là sự thống nhất về nhận thức và quyết tâm trong tổ chức thực hiện. Cuộc vận động hiện nay về xây dựng "Trường học thân thiện, học sinh tích cực" cùng thành công trong năm học vừa qua của nó là bước khởi đầu quan trọng.

7. Kết luận

Hội nhập quốc tế về cơ bản là quá trình hợp tác và cạnh tranh trên thị trường toàn cầu. Đó là sự mở rộng kinh tế thị trường theo quan điểm "Nhà nước nhỏ, thị trường lớn" của chủ nghĩa tự do mới. Chính quan điểm này đã dẫn đến bước đi mở rộng thị trường sang cả những lĩnh vực vốn có một khoảng cách với thị trường như y tế và giáo dục.

Mặc cho các tranh cãi về có hay không có thị trường giáo dục, khi một nước kí cam kết về GATS trong giáo dục, nước đó đã mặc nhiên công nhận có thị trường dịch vụ giáo dục và thị trường đó được mở ra để đón nhận các nhà đầu tư nước ngoài. Hiện nay, trong 153 nước thành viên của WTO, mới có 51 nước kí cam kết về GATS trong giáo dục và điều đó làm các nước có nhu cầu xuất khẩu giáo dục cảm thấy sốt ruột. Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là trong các cam kết ít ỏi nói trên, có 35 cam kết mở cửa giáo dục tiểu học và 41 cam kết mở cửa giáo dục trung học. Nghĩa là, ở các nước đó, thị trường đã bước vào giáo dục phổ thông, đặc biệt là giáo dục phổ cập, lĩnh vực vốn được coi một cách không bàn cãi là lĩnh vực lợi ích công.

Nước ta không cam kết mở cửa giáo dục phổ thông, nơi giữ trọng trách trong việc xây dựng nhân cách thế hệ tương lai của đất nước. Điều này thể hiện quyết tâm của Nhà nước bảo đảm để giáo dục phổ thông về cơ bản là một lợi ích công. Điều đó cũng khẳng định quan điểm

của Đảng rằng kinh tế thị trường chỉ là phương tiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội, do đó không thể để "bàn tay vô hình" của nó xâm nhập mọi chốn, mọi nơi.

Bản thân kinh tế thị trường, ngoài mặt trái của nó, còn tiềm ẩn nguy cơ thất bại và đổ vỡ. Mới đây, cuộc khủng hoảng tài chính phố Wall tháng 9/2008 cùng những hệ lụy toàn cầu của nó được coi như hồi chuông báo động sự phá sản của chủ nghĩa tự do mới. Người ta đã nghĩ đến việc thay thế khẩu hiệu "Nhà nước nhỏ, thị trường lớn" bằng khẩu hiệu "Nhà nước lớn khi cần thiết, thị trường lớn khi có thể".

Liệu giáo dục phổ thông có thể là nơi thị trường lớn? Về lý thuyết, để bảo đảm giáo dục phổ thông là một lợi ích công, câu trả lời là không. Về thực tế, dù hiện nay ở nơi này nơi khác, thị trường có đang bước vào giáo dục phổ thông thì đó vẫn chỉ là một chuẩn thị trường. Nghĩa là sự chấp nhận hiện nay trong giáo dục phổ thông là "Nhà nước lớn, thị trường nhỏ".

Tuy nhiên, từ những điều trình bày trên, để hướng tới mô hình mong muốn của nhà trường phổ thông, một giải pháp có tính chiến lược là tạo dựng hành lang pháp lí, xây dựng cơ chế và chính sách để các tổ chức xã hội dân sự, trong nước và ngoài nước, đóng góp chủ động hơn, toàn diện hơn, tích cực hơn và hiệu quả hơn trong cung ứng nguồn lực cũng như trong quản lí giáo dục. Điều này có nghĩa là trong giáo dục phổ thông cần một quan điểm mới là "Nhà nước lớn, xã hội lớn, thị trường nhỏ".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Repenser l'enseignement: *Des scénarios pour agir*, OCDE 2006.
2. Phạm Đỗ Nhật Tiến, *Xây dựng thể chế chuẩn thị trường giáo dục sau khi nước ta gia nhập WTO*, Tạp chí KHGD, số 21, 6/2007.
3. CERI, *OECD Schooling for tomorrow series, Futures thinking in action*, 2008.
4. Bộ GD&ĐT trả lời kiến nghị của cử tri tại Kỳ họp thứ ba, Quốc hội khóa XII, Báo Giáo dục và Thời đại, số 130, ngày 28/10/2008.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện HNTW6 (khóa X)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 2008.

SUMMARY

Based on the scenario approach and OECD "Schooling for to-morrow" program, this article presents possible school scenarios in a two dimensional space in which one is economical (marketization of education) and the other is societal (socialization of education). Analyzing the possible scenarios, the current trend of school development in Vietnam is criticized and therefore a desirable scenario for the next 10 years is proposed.